

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 7 – 2021
“V/v Tranh chấp ly hôn, yêu cầu
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.
2. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Võ Huỳnh Anh Thư, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị L (tên gọi khác Võ Thị L), sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ú và bà Võ Thị L (L) được gia đình hai bên chấp nhận cho kết hôn, có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà có thời gian dài hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, bà L không có sự tôn trọng đối với ông Ú nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không thể tiếp tục sống chung, vì vậy ông bà đã không còn sống chung với nhau từ tháng 03/2021 đến nay. Nay ông Ú cương quyết yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Ú khai vợ chồng ông có 02 con chung, cháu tên Huỳnh Thị Tuyết V (Nữ) sinh năm 1997, Huỳnh Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 29/02/2006, cháu Tuyết V đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Anh Th thì sống với bà L, khi ly hôn ông Ú yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Ông Ú cho rằng vợ chồng có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị L (L) trình bày:

Bà L (L) không thừa nhận lời trình bày của ông Ú, bà L cho rằng từ lúc kết hôn đến nay vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ khi bà bị kết án 02 năm tù thì ông Ú bắt đầu thay đổi, đến khi bà chấp hành án về thì ông Ú yêu cầu ly hôn với bà, bà không rõ nguyên nhân gì. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 03/2021 đến nay. Bà không hiểu lý do gì ông Ú ly hôn với bà nên bà không đồng ý ly hôn với ông Ú.

Về con chung: Bà L thống nhất vợ chồng bà có 02 con chung, cháu tên Huỳnh Thị Tuyết V (Nữ) sinh năm 1997, Huỳnh Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 29/02/2006, cháu Tuyết V đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Anh Th thì đang sống với bà. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Ú phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L cho rằng vợ chồng có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Ú vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Bà L vẫn giữ nguyên ý kiến, bà không đồng ý ly hôn với ông Ú, nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận ông Huỳnh Văn Ú và bà Võ Thị L (Võ Thị L) là vợ chồng. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L đối với cháu Huỳnh Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 29/02/2006. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Văn Ú theo quy định

pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ú và bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Huỳnh Văn Ú khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Võ Thị L (L). Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con chung” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ú, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Vào năm 1994 ông Ú và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng ông bà đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, dẫn đến không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung ông bà không có đăng ký kết hôn nên vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông Ú có yêu cầu xin ly hôn với bà L nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết đối với quan hệ chung sống như vợ chồng của ông Ú và bà L.

Khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Huỳnh Văn Ú và bà Võ Thị L (L) là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng ông Ú có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Tuyết V, sinh năm 1997 và cháu Huỳnh Thị Anh Th, sinh ngày 29/02/2006, đối với cháu Tuyết Vi hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Anh Th hiện nay sống chung với bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ú yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Anh Th, chị L yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Ú đồng ý giao cháu anh Th cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành triệu tập cháu Th để ghi nguyện vọng của cháu, tuy nhiên cháu Th không đến, chị L cho rằng từ trước đến nay cháu sống chung với chị và tại các biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương xác định từ trước đến nay cháu Th sống với vợ chồng anh chị nhưng sau khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì cháu sống với chị L và hiện nay cháu đã đi làm không thường xuyên ở nhà. Do đó

để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu. Hơn nữa, cháu Th cũng là nữ giới nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Huỳnh Thị Anh Th (giới tính: nữ), sinh ngày 29/02/2006 cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Huỳnh Văn Ú có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Ú và bà L khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Ú và bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn Ú và bà Võ Thị L (Võ Thị L) là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Anh Th (giới tính: nữ) sinh ngày 29/02/2006 cho bà Võ Thị L (Võ Thị L) được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu Th đang sống chung với bà L. Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Văn Ú không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Ú và bà L khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Ú và bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006774 phiếu lập ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hưng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lữ Thành Đồng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan